

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN Đ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **78/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/9/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy.

2. Ông Lý Và Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 6, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Sầm Quốc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 240, khu 7, Ấp 6, xã Phú Tân, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2019, bản tự khai ngày 08/5/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 26/8/2015. Vợ chồng chung sống đến tháng 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, nhậu nhẹt, đánh bài, không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng vì vậy vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Chị L không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: Sầm Lê V, sinh ngày 15/5/2017. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 03/6/2019 chị L đã nộp đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

Ngoài ra, chị L không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn anh Sầm Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ:

Về tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị L và anh H đã thật sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L không còn tình cảm với anh H, hơn nữa, anh H không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nên khả năng đoàn tụ không có, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Cháu Vy dưới 36 tháng tuổi và hiện tại cháu Vy đang sống cùng chị L, được chị L chăm sóc tốt nên đề nghị giao con chung là cháu Vy cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Sầm Quốc H có nơi cư trú tại xã Phú Tân, huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách của đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn, anh Sầm Quốc H là bị đơn.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Sầm Quốc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Tân và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/8/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp (bút lục số 09).

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L: Chị L xin ly hôn với lý do anh H ham chơi, bài bạc, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị L, anh H thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được (bút lục số 24, 25).

Qua xem xét lời trình bày của chị L, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị L, anh H thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh H không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị L và anh H đã có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ vợ chồng, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H theo Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Sầm Lê V sinh ngày 15/5/2017, chị L có nguyện vọng nuôi con chung khi ly hôn. Xét chứng cứ thu thập được tại địa phương xác định trong thời gian sống ly thân chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vy, mặt khác cháu Vy dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử nhận định việc giao con chung cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L. Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Sầm Quốc H.

2. Về con chung: Giao cháu Sầm Lê V sinh ngày 15/5/2017 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Chị L và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0002167 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào số tiền án phí chị L phải chịu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Đình H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;

Trần Văn Tuấn
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Phú Tân, huyện Đ;
- Lưu.

Trần Văn Tuấn